

Bản án số: 74/2026/DS-ST.

Ngày: 13 – 3 – 2026.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Th , sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp So Đũa Lớn A, xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H , sinh năm: 1986 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp So Đũa Lớn A, xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn là bà Trần Thị Th trình bày: Vào ngày 19/5/2023, bà Th có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 10.000.000đồng. Khi cho vay bà Th chuyển khoản cho ông H , không có làm giấy gì. Quá trình vay thỏa thuận lãi suất 500.000đồng/10.000.000đồng/tháng. Trong thời gian vay tiền ông H đóng lãi được số tiền 3.000.000đồng. Sau đó, ông H ngưng đóng lãi và không trả nợ gốc cho bà Th .

Nay bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H trả số tiền vay còn nợ là 10.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 30/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông có vay số tiền 10.000.000đồng như bà Th trình bày, thỏa thuận lãi là 500.000đồng/10.000.000đồng/tháng. Trong quá trình vay ông có trả lãi cho bà Th với số tiền là 9.000.000đồng, khi đóng lãi có lúc chuyển khoản, có lúc gửi người khác đưa bà Th, khi đóng lãi không có làm biên nhận hay giấy tờ gì. Nay đồng ý trả cho bà Th số tiền còn nợ là 10.000.000đồng, ông H xin không tính lãi nữa vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Th. Buộc bị đơn Nguyễn Văn H phải trả cho nguyên đơn Trần Thị Th số tiền vay còn nợ là 10.000.000đồng và tiền lãi là 2.610.000đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn H trả số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 30/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hai bên không thỏa thuận được nên phát sinh tranh chấp. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú trên địa bàn xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Th yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 30/11/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, có cơ sở xác định: Vào ngày 19/5/2023, bà Th có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền

10.000.000đồng. Khi cho vay không có làm giấy tờ gì. Hai bên thỏa thuận lãi là 500.000đồng/10.000.000đồng/tháng. Sau khi vay tiền ông H đóng lãi cho Th được số tiền 3.000.000đồng. Bà Th nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H luôn hứa hẹn chứ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Th. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Th có cung cấp cho Tòa án “giấy chuyển thành công tới NGUYEN VAN HUONG VND 10.000.000 ngày 19/5/2023”. Đồng thời, bị đơn Nguyễn Văn H cũng thừa nhận có vay của bà Th tổng số tiền 10.000.000đồng và đồng ý trả số tiền còn nợ cho bà Th. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông H có vay số tiền 10.000.000đồng của bà Th là sự thật.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi, quá trình vay hai bên thỏa thuận lãi là 500.000đồng/10.000.000đồng/tháng là cao hơn so với quy định pháp luật. Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được quá 20%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy cần tính lại mức lãi suất theo quy định cụ thể từ ngày vay 19/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/3/2026 và trừ lại số tiền lãi ông H đã đóng 3.000.000đồng. Cụ thể là:

$(10.000.000\text{đồng} \times 33 \text{ tháng} \times 24 \text{ ngày} \times 1.66\%/tháng) - 3.000.000\text{đồng} = 2.610.000\text{đồng}.$

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng vay tiền giữa hai bên là có thật. Việc ông H chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Th là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Th. Vì vậy, bà Th khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền vay còn nợ 10.000.000đồng và số tiền lãi là 2.610.000đồng là có căn cứ chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 12.610.000đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu vợ bị đơn là bà Trương Thị Ngọc Dung cùng trả nợ, do khi giao dịch cho vay tiền chỉ thực hiện với ông H nên chỉ yêu cầu một mình ông H trả tiền. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 630.500đồng.

$12.610.000\text{đồng} \times 5\% = 630.500\text{đồng}.$

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 463, 465, 466, 467, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Th đối với bị đơn Nguyễn Văn H .

2. Buộc bị đơn Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị Th tổng số tiền là 12.610.000đồng, nợ gốc là 10.000.000đồng và nợ lãi là 2.610.000đồng.

3. Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị yêu cầu thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất được áp dụng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Bị đơn Nguyễn Văn H phải chịu là 630.500đồng (sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng). Nguyên đơn Trần Thị Th được nhận lại 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0009114 phiếu lập ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/3/2026). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- THADS TP Cần Thơ;
- VKSND KV 14;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Trường Nguyễn Văn Trương

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Trường Nguyễn Văn Bình

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thành Sơn Nguyễn Văn Trương

Nguyễn Thị Thúy Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hương